

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động thông qua quản trị chuỗi cung ứng

Lê Thị Tâm¹, Nguyễn Thị Mai Anh²

Trường Đại học Thủy lợi, Việt Nam¹, Trường Đại học Công nghệ Đông Á, Việt Nam²

Ngày nhận: 27/06/2025

Ngày nhận bản sửa: 04/01/2026

Ngày duyệt đăng: 19/01/2026

Tóm tắt: Mục đích của nghiên cứu này là xem xét tác động của thực hành kế toán quản trị (MAP) đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (EOE) và hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng (SCOE) thông qua biến trung gian quản trị chuỗi cung ứng (SCM). Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 128 kế toán trưởng tại các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn trong khoảng thời gian từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2025. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng MAP tác động tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến EOE thông qua SCM. Trong khi đó MAP chỉ tác động tích cực gián tiếp đến SCOE với vai trò trung gian của SCM. Từ kết quả nghiên cứu, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị để gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và của cả chuỗi cung ứng. Đối với cơ sở giáo dục, cần nâng cao kiến thức MAP trong chuỗi cung ứng. Đối với doanh nghiệp, cần

The relationship between management accounting practice and operational efficiency through supply chain management

Abstract: The purpose of this study is to examine the impact of management accounting practice (MAP) on enterprise's operational efficiency (EOE) and supply chain's operational efficiency (SCOE) through the mediating variable of supply chain management (SCM). The study surveyed 128 chief accountants at medium and large-sized enterprises from January 2025 to March 2025. The results of the study indicate that MAP has both direct and indirect positive impacts on EOE through SCM. Meanwhile, MAP only has indirect positive impacts on SCOE with the intermediate role of SCM. From the research results, the study makes a number of recommendations to increase the performance of enterprises and the entire supply chain. For educational institutions, it is necessary to improve MAP knowledge in the supply chain. For enterprises, it is necessary to improve management accounting techniques used in SCM and promote information sharing among members in the supply chain. For policy makers, it is necessary to develop mechanisms and policies that encourage enterprises to easily access and apply MAP combined with SCM.

Keywords: Management accounting, Supply chain management, Operational efficiency, Supply chain

Link Doi: <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.1.2.3019>

Le Thi Tam¹, Nguyen Thi Mai Anh²

Email: lethitam@tlu.edu.vn¹, nmaianh86@gmail.com²

Organizations: Thuyloi University, Viet Nam¹, East Asia University of Technology, Viet Nam²

nâng cao các kỹ thuật kế toán quản trị được sử dụng trong SCM và thúc đẩy chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng. Đối với các nhà hoạch định chính sách, cần xây dựng các cơ chế và chính sách khuyến khích doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và áp dụng MAP kết hợp với SCM.

Từ khóa: Kế toán quản trị, Quản trị chuỗi cung ứng, Hiệu quả hoạt động, Chuỗi cung ứng

Trích dẫn: Lê Thị Tâm, & Nguyễn Thị Mai Anh. (2026). Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động thông qua quản trị chuỗi cung ứng. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng*, 28(1+2), 135-148. <https://doi.org/10.59276/JELB.2026.1.2.3019>

1. Giới thiệu

Cuộc đại khủng hoảng COVID-19 gần đây đã gây ra những tác động to lớn đến việc vận hành và quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu. Các doanh nghiệp ngày càng cạnh tranh gay gắt và chịu nhiều ảnh hưởng bởi mạng lưới chuỗi cung ứng của họ. Sự thành công của toàn bộ chuỗi cung ứng sẽ quyết định sự thịnh vượng của từng doanh nghiệp (Ramos, 2004). Vì vậy việc hiểu rõ cách phối hợp các mối quan hệ trong chuỗi cung ứng và các cơ chế kiểm soát được sử dụng để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch, đo lường và đánh giá hiệu quả của chuỗi cung ứng ngày càng trở nên quan trọng. Nhu cầu hỗ trợ từ kế toán quản trị sẽ tiếp tục phát triển không chỉ trong từng doanh nghiệp riêng lẻ mà lan tỏa cho toàn bộ các doanh nghiệp trong chuỗi.

Để có thể thích ứng với sự phát triển về môi trường, công nghệ và quản lý, các doanh nghiệp phải thiết kế một hệ thống kế toán quản trị và áp dụng các kỹ thuật một cách “tinh vi” hơn. Sự phù hợp của việc sử dụng các kỹ thuật phức tạp phụ thuộc vào hoàn cảnh mà các kỹ thuật này được sử dụng. Thực hành kế toán quản trị (Management Accounting Practice- MAP) phát triển là để ứng phó với các tình huống bất ngờ về môi trường trong đó có môi trường chuỗi cung ứng mà mỗi doanh nghiệp riêng lẻ

phải đối mặt. Nhiều nghiên cứu cho thấy việc áp dụng kỹ thuật kế toán quản trị trong quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management- SCM) đem lại nhiều lợi ích cho doanh nghiệp như: Cải thiện quy trình quản lý doanh nghiệp; Nâng cao khả năng ra quyết định; Tối ưu hóa lợi nhuận; Thúc đẩy mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa doanh nghiệp và các thành viên trong chuỗi. Kế toán quản trị cung cấp thông tin cần thiết để các nhà quản lý đưa ra quyết định kịp thời và chính xác chẳng hạn: điều chỉnh chiến lược sản xuất và phân phối, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động; giúp phân tích chi phí trong từng giai đoạn của chuỗi cung ứng từ đó phát hiện và loại bỏ hoạt động lãng phí. Ngoài ra, kế toán quản trị hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lập dự đoán và đáp ứng nhu cầu thị trường một cách linh hoạt. Với thông tin cung cấp kịp thời, doanh nghiệp có thể nhanh chóng điều chỉnh kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm để phù hợp với xu hướng tiêu dùng.

Mặc dù vai trò của MAP trong SCM đã nhận được sự quan tâm ngày càng tăng trong vài năm gần đây nhưng mối quan hệ này vẫn chưa được xác định rõ ràng tại Việt Nam. Lý do có rất ít nghiên cứu về chủ đề này tại Việt Nam. Cũng giống như các quốc gia khác, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam đều có mối quan hệ mật thiết với các đối

tác. Vì vậy sự phát triển chuỗi cung ứng là yếu tố quan trọng thúc đẩy các doanh nghiệp tăng trưởng. Nghiên cứu mối quan hệ giữa MAP và hiệu quả hoạt động thông qua SCM được coi là khoảng trống trong các nghiên cứu trước đó. Ngoài ra, chưa có nghiên cứu nào nhấn mạnh đến mối quan hệ này tại Việt Nam. Vì vậy, ngoài chủ đề nghiên cứu thì bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam cũng được coi là điểm mới trong nghiên cứu này. Mục đích của bài viết này là xem xét tác động của MAP tới hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp (Enterprise's Operational Efficiency- EOE) và hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng (Supply Chain's Operational Efficiency- SCOE) thông qua vai trò trung gian của SCM. Để đạt được mục tiêu trên, nghiên cứu tiến hành khảo sát 128 kế toán trưởng của các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn tại Việt Nam. Từ phần mềm SPSS 27 tích hợp với kỹ thuật Process 4.2, các dữ liệu nghiên cứu được thu thập và xử lý để cho ra các kết quả nghiên cứu cũng như khuyến nghị và kết luận.

Ngoài phần giới thiệu, bài viết bao gồm các phần sau: tổng quan nghiên cứu, xây dựng giả thuyết nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, khuyến nghị và kết luận.

2. Tổng quan nghiên cứu

Chuỗi cung ứng là một mạng lưới gồm nhiều thành viên tham gia để thực hiện các chức năng thu mua nguyên liệu, chuyển đổi nguyên liệu thành sản phẩm và phân phối chúng đến khách hàng. Chuỗi cung ứng là tập hợp các mối quan hệ giữa nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ và khách hàng (Ballou, 2007). SCM là việc quản lý cung cầu, xác định nguồn nguyên vật liệu, quản lý hoạt động sản xuất, theo dõi kho hàng, tiếp nhận đơn hàng và

quản lý đơn hàng, phân phối qua các kênh và đến khách hàng cuối cùng. Để quản trị chuỗi cung ứng thành công cần sự phối hợp của các hoạt động cung ứng, sản xuất, lưu kho, vận chuyển, tiêu thụ giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng (Gunasekaran và cộng sự, 2008). Vì vậy, SCM không chỉ là vấn đề riêng của một doanh nghiệp mà nó là mối quan tâm chung của các doanh nghiệp vì nó bao gồm các vật liệu, thành phẩm, và phân phối chúng thông qua nhiều kênh khác nhau đến khách hàng (Azevedo và cộng sự, 2011).

Với sự phát triển của công nghệ thông tin, thương mại điện tử và sự cạnh tranh của thị trường kinh doanh, các doanh nghiệp có xu hướng xây dựng mối quan hệ chặt chẽ và lâu dài với các nhà cung cấp và khách hàng của họ để luôn đi trước đối thủ cạnh tranh, tăng khả năng sinh lời và cải thiện tính linh hoạt của chuỗi cung ứng (Al-Omoush và cộng sự, 2023). Với vai trò quan trọng của SCM, các nhà quản trị trong doanh nghiệp ngày càng hướng sự chú ý sang hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác trong chuỗi cung ứng (Ozment & Keller, 2011). Để quản lý hoạt động thành công thì việc sử dụng thông tin được cung cấp từ kế toán quản trị là rất cần thiết. Điều này dẫn đến sự phát triển các nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến MAP trong chuỗi cung ứng. Kế toán quản trị ra đời và phát triển hơn 100 năm qua và đã trở thành khái niệm rất quen thuộc trong giới học thuật cũng như được ứng dụng phổ biến và rộng rãi trong các doanh nghiệp trên thế giới. Song thuật ngữ kế toán quản trị chuỗi cung ứng lại mới chỉ xuất hiện trong gần 30 năm qua (Ripley và cộng sự, 2009). Nghiên cứu kế toán quản trị trong chuỗi cung ứng có thể được thúc đẩy bằng cách đưa ra nhiều lập luận đa chiều về khả năng áp dụng và tính liên quan của các kỹ thuật kế toán quản trị đối với các lĩnh vực khác nhau trong môi trường chuỗi

cung ứng khác nhau. Càng nhiều tranh luận trong cộng đồng nghiên cứu càng thể hiện vấn đề đó đáng được quan tâm và do đó sẽ cho phép chúng ta vượt ra khỏi ranh giới của trí tuệ truyền thống.

Tầm quan trọng của MAP trong việc quản lý và cải thiện các mối quan hệ chuỗi cung ứng đang ngày càng lớn mạnh (Munday, 1992). Các kỹ thuật kế toán quản trị truyền thống đã trở nên lỗi thời và giảm tác dụng đáng kể trong SCM (Kulmala và cộng sự, 2002; Seal và cộng sự, 2004). Giờ đây, những kỹ thuật kế toán quản trị như xác định chi phí theo vòng đời sản phẩm, tính giá thành dựa trên hoạt động, tính giá thành mục tiêu, quản trị chi phí liên tổ chức được áp dụng trong SCM (Lin và cộng sự, 2001; Howard và cộng sự, 2016; Taschner & Charifzadeh, 2023). Các kỹ thuật này như một công cụ hỗ trợ đắc lực để đảm bảo sự hợp tác và kiểm soát hiệu quả giữa doanh nghiệp với nhà cung cấp, khách hàng và từ đó có thể phát hiện các cơ hội cải tiến tiềm năng (Alenius và cộng sự, 2015; Ruggeri & Rizza, 2017; Uddin và cộng sự, 2020). MAP có thể cải thiện hiệu quả hoạt động cao hơn trong các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi cung ứng so với các doanh nghiệp đứng riêng lẻ (Giannoccaro & Pontrandolfo, 2004). Việc áp dụng các kỹ thuật kế toán quản trị đối với các hoạt động chuỗi cung ứng được coi là chiến lược phù hợp nhất để gia tăng hiệu quả hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào (Pradhan và cộng sự, 2018).

Tại Việt Nam, chủ đề liên quan đến MAP và SCM xuất hiện rất ít. Gần đây, nghiên cứu của Le và cộng sự (2024) đưa ra mô hình nghiên cứu về hệ thống kế toán quản trị với việc tích hợp chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh bất ổn. Kết quả cho thấy MAP làm tăng mức độ tích hợp chuỗi cung ứng, từ đó gia tăng hiệu quả hoạt động cho doanh nghiệp. Ngoài ra, sự bất ổn

của môi trường kinh doanh làm giảm mối liên hệ tích cực giữa MAP, chuỗi cung ứng và hiệu quả doanh nghiệp. Nghiên cứu của Dang (2024) khám phá mối quan hệ giữa kỹ thuật kế toán quản trị chi phí và hiệu quả của chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp logistics tại Việt Nam. Kết quả cho thấy việc áp dụng các kỹ thuật không chỉ giúp gia tăng hiệu quả tài chính cho các doanh nghiệp mà còn cải tiến quy trình nội bộ, cải thiện mối quan hệ với khách hàng cũng như nâng cao khả năng học hỏi và phát triển trong các doanh nghiệp logistic. Hiện nay, nghiên cứu về MAP kết hợp với SCM còn nhiều khoảng trống khi chủ yếu tập trung vào quản lý chi phí và cải thiện hiệu quả riêng lẻ cho từng doanh nghiệp, mà chưa chú ý đến việc phối hợp giữa các thành viên trong chuỗi cung ứng. Điều này gây ra nhiều hạn chế, khi các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng ngày càng phụ thuộc vào nhau để đối phó với sự biến động lớn của thị trường. Đặc biệt, tại Việt Nam chủ đề về kế toán quản trị gắn với chuỗi cung ứng còn rất mới. Vì vậy, bài viết này đã giải quyết khoảng trống trên bằng cách nghiên cứu mối quan hệ giữa MAP với EOE và SCOE, mối quan hệ giữa MAP với EOE và SCOE thông qua biên trung gian SCM.

3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu

3.1. Thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động

Abdel-Maksoud và cộng sự (2005) đã khám phá mối liên hệ tích cực giữa việc triển khai các kỹ thuật hiện đại trong MAP đến EOE và SCOE. Các kỹ thuật như Tiêu chuẩn đánh giá hiệu suất, Kế toán chi phí dựa trên hoạt động, Thẻ điểm cân bằng và Phân tích gia tăng không chỉ cung cấp thông tin chi tiết mà còn giúp doanh nghiệp tối ưu hóa các quy trình sản xuất và phân

phối, từ đó giảm thiểu chi phí, nâng cao khả năng cạnh tranh trong toàn bộ chuỗi. Kannan và Tan (2005) đã tiếp tục xác nhận những phát hiện này khi chỉ ra mối quan hệ tích cực giữa MAP đến SCOE. Chẳng hạn, kỹ thuật sản xuất đúng lúc tập trung vào việc giảm thiểu lãng phí về tài nguyên và đảm bảo các nguồn lực chỉ được sử dụng khi thực sự cần thiết, điều này giúp vừa giảm chi phí lưu kho lại tăng độ linh hoạt. Trong khi, kỹ thuật đánh giá hiệu suất cung cấp một cách tiếp cận tổng thể để quản lý chuỗi cung ứng, giúp các tổ chức phối hợp tốt hơn giữa các bên liên quan và tối ưu hóa dòng chảy của hàng hóa và thông tin. Ngoài ra, Ellram (2006) cũng đã đề cập đến một kỹ thuật tính giá thành mục tiêu. Kỹ thuật này giúp các doanh nghiệp xác định các mục tiêu giảm chi phí trong suốt quá trình cung ứng và khuyến khích các hoạt động trong chuỗi cung ứng được liên kết để đạt được những mục tiêu. Việc áp dụng tính giá thành mục tiêu không chỉ giúp các tổ chức giảm chi phí mà còn thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà cung cấp và khách hàng trong chuỗi cung ứng, từ đó nâng cao hiệu suất tổng thể của toàn bộ hệ thống.

Những nghiên cứu trên cho thấy rằng MAP đóng vai trò rất quan trọng không chỉ trong việc nâng cao EOE mà còn góp phần đáng kể vào việc cải thiện SCOE. Bằng cách áp dụng các kỹ thuật kế toán quản trị hiện đại, các doanh nghiệp có thể đạt được những lợi ích rõ rệt như giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, và tăng cường sự linh hoạt trong các quy trình hoạt động từ đó giúp tối ưu hóa hiệu suất nội bộ và gia tăng hiệu quả trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Chúng tôi đề xuất hai giả thuyết:

H₁: MAP tác động tổng hợp đến EOE một cách tích cực.

H₂: MAP tác động tổng hợp đến SCOE một cách tích cực.

3.2. Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động thông qua quản trị chuỗi cung ứng

Jamal và Tayles (2010) chỉ ra rằng vai trò quan trọng của SCM trong việc thúc đẩy mối quan hệ tích cực giữa MAP và hiệu quả hoạt động. SCM tập trung vào việc thiết lập mối quan hệ bền chặt hơn với các đối tác của mình bao gồm nhà cung cấp và khách hàng. SCM đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm cho khách hàng với đúng số lượng, đúng chất lượng vào đúng thời điểm, đúng nơi và đúng giá cả. Một khi, các doanh nghiệp chú trọng đến việc thực hành SCM thì MAP với các kỹ thuật được sử dụng để xác định và đo lường các chi phí sẽ giúp cải thiện quy trình từ đó gia tăng năng suất và nâng cao lợi thế cạnh tranh (Jamal & Tayles, 2010; Chen và cộng sự, 2004; Fynes và cộng sự, 2008; Chow và cộng sự, 2008).

Fynes và cộng sự (2008) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển mối quan hệ lâu dài và sâu sắc với các đối tác của doanh nghiệp để cải thiện hiệu quả của chuỗi cung ứng. Tương tự, Lee và cộng sự (2007) chứng minh rằng các mối liên kết trong chuỗi cung ứng đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao độ tin cậy và hiệu quả của chuỗi cung ứng trong nhiều ngành công nghiệp. Thông qua SCM, MAP trong doanh nghiệp có tác động tích cực đến SCOE. Theo Chan và Qi (2003); Li và cộng sự (2006); Fabbe-Costes và Jahre (2007), việc tích hợp dữ liệu của nhà cung cấp vào quy trình phát triển sản phẩm mới và cải tiến quy trình không chỉ cải thiện EOE mà còn tăng mức độ phản hồi và sự hài lòng của khách hàng.

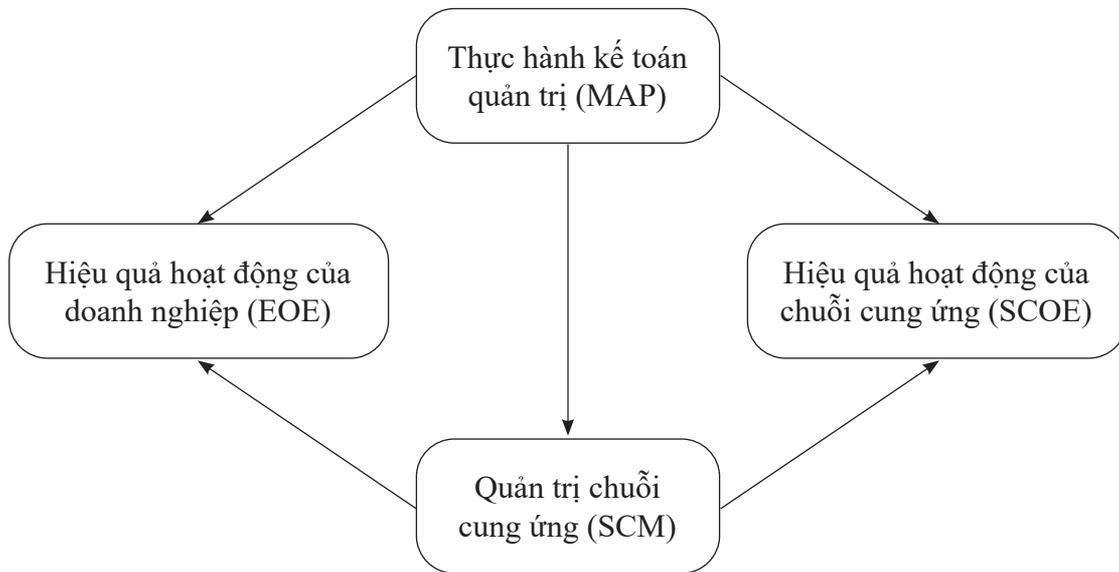
Bốn giả thuyết tiếp theo được đề xuất như sau:

H₃: MAP tác động trực tiếp đến EOE một cách tích cực.

H₄: MAP tác động trực tiếp đến SCOE

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động

thông qua quản trị chuỗi cung ứng



Nguồn: Thiết kế mô hình từ nhóm tác giả

Sơ đồ 1. Mối quan hệ giữa MAP và EOE, SCOE thông qua SCM

một cách tích cực.

H₅: MAP tác động gián tiếp đến EOE một cách tích cực thông qua SCM.

H₆: MAP tác động gián tiếp đến SCOE một cách tích cực thông qua SCM.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua phương pháp khảo sát bằng bảng câu hỏi có cấu trúc, được thiết kế dựa trên mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp định lượng được lựa chọn nhằm thu thập thông tin, phục vụ cho việc kiểm định mô hình nghiên cứu về mối quan hệ giữa MAP và EOE, SCOE thông qua SCM. Trước khi tiến hành khảo sát chính thức, bảng hỏi được kiểm tra sơ bộ thông qua một cuộc khảo sát thử nghiệm nhỏ nhằm đánh giá mức độ rõ ràng, logic và khả năng phản ánh đúng nội dung nghiên cứu. Sau khi điều chỉnh những điểm chưa phù hợp, bảng hỏi chính thức được hoàn thiện và sử dụng trong quá trình thu thập dữ liệu diện rộng. Bảng hỏi được chia thành 2 phần. Phần 1, bảng hỏi bao gồm các câu hỏi về

thông tin của đối tượng khảo sát bao gồm giới tính, trình độ học vấn, kinh nghiệm làm việc. Phần 2, bảng hỏi bao gồm các câu hỏi về biến quan sát trong MAP, EOE, SCOE và SCM. Các câu hỏi trong phần này được thiết kế theo thang đo Likert 5 điểm với mức 1 là hoàn toàn không đồng ý, mức 5 là hoàn toàn đồng ý. Các biến quan sát đo lường cho các nhân tố được kế thừa từ nghiên cứu tiền nhiệm (chi tiết tại Bảng 1). Nghiên cứu thực hiện khảo sát tại các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn. Bởi lẽ, thứ nhất, so với doanh nghiệp quy mô nhỏ và siêu nhỏ, các doanh nghiệp quy mô vừa và lớn áp dụng kỹ thuật kế toán quản trị phổ biến hơn. Thứ hai, đối tượng khảo sát là các kế toán trưởng trong doanh nghiệp quy mô vừa và lớn thường là những người có kiến thức và kinh nghiệm hơn so với doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Điều này làm cho dữ liệu trong phiếu khảo sát có độ tin cậy cao hơn.

Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu này là chọn mẫu thuận tiện và được bảo mật thông tin người khảo sát. Hằng năm, Nhà trường kết hợp với Khoa, bộ môn Kế

Bảng 1. Các biến quan sát

Biến quan sát	Diễn giải	Nguồn
MAP	Thực hành kế toán quản trị	
MAP1	Đánh giá từng giai đoạn trong chuỗi cung ứng để tối đa hóa giá trị và giảm thiểu chi phí	
MAP2	Sử dụng phương pháp chi phí dựa trên hoạt động	
MAP3	Sử dụng phương pháp chi phí mục tiêu	Lin và cộng sự (2001); Ellram (2006); Howard và cộng sự (2016);
MAP4	Quản trị chi phí được thực hiện có sự liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng	Taschner và Charifzadeh (2023)
MAP5	Hợp đồng với đối tác được thanh toán dựa trên kết quả đạt được thay vì dựa vào việc thực hiện hoạt động	
EOE	Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp	
EOE1	ROE (Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu) tăng lên trong 3 năm gần nhất	
EOE2	Lợi nhuận sau thuế tăng lên trong 3 năm gần nhất	Chen và cộng sự (2004); Abdel-
EOE3	Thị phần tăng lên trong 3 năm gần nhất	Maksoud và cộng sự (2005);
EOE4	Chất lượng sản phẩm tăng lên trong 3 năm gần nhất	Li và cộng sự (2006)
EOE5	Sự hài lòng của khách hàng tăng lên trong 3 năm gần nhất	
SCOE	Hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng	
SCOE1	Chuỗi cung ứng hoạt động linh hoạt và tin cậy	
SCOE2	Nhà cung cấp giao sản phẩm đúng thời điểm, đúng số lượng, đúng chất lượng	Fynes và cộng sự (2008); Chow và
SCOE3	Khách hàng đặt hàng đơn giản, được giải quyết khiếu nại một cách nhanh chóng	cộng sự (2008); Chen và cộng sự (2004)
SCOE4	Việc thiết kế các sản phẩm, dịch vụ và khoảng cách địa lý có sự tham gia phối hợp giữa các thành viên trong chuỗi	
SCM	Quản trị chuỗi cung ứng	
SCM1	Có mối quan hệ lâu dài và chiến lược với các nhà cung cấp	
SCM2	Duy trì và cải thiện mối quan hệ với khách hàng	Chen và cộng sự (2004);
SCM3	Chia sẻ thông tin giữa các bên trong chuỗi cung ứng để tăng cường phối hợp	Li và cộng sự (2006); Taschner và
SCM4	Tối ưu hóa quy trình nội bộ trong doanh nghiệp	Charifzadeh (2023)

Nguồn: Tổng hợp từ nhóm tác giả

toán đều tổ chức khảo sát vị trí làm việc của cựu sinh viên các khóa nhằm nắm bắt tình hình việc làm của họ. Dựa vào cơ sở dữ liệu từ Nhà trường cung cấp (Đại học Thủy lợi và Trường Đại học Đông Á), nhóm tác giả liên hệ với các cựu sinh viên ngành Kế toán hỗ trợ khảo sát trong thời gian từ tháng 1/2025 đến tháng 3/2025.

Các phiếu khảo sát thu thập được gồm 148 phiếu. Sau khi loại đi 20 phiếu không hợp lệ, dữ liệu trong 128 phiếu khảo sát hợp lệ được sử dụng để xử lý và phân tích bởi phần mềm SPSS 27 kết hợp với kỹ thuật Process 4.2. Đặc điểm của đối tượng khảo sát được tóm tắt tại Bảng 2.

Kỹ thuật Process phiên bản 4.2. trong

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động

thông qua quản trị chuỗi cung ứng

Bảng 2. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Đặc điểm	Nhóm	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	27	21,1%
	Nữ	101	78,9%
Tổng		128	100%
Trình độ học vấn	Sau đại học	45	35,2%
	Đại học	68	53,1%
	Cao đẳng, Trung cấp	15	11,7%
Tổng		128	100%
Kinh nghiệm làm việc	Từ 15 năm trở lên	45	35,1%
	Từ 10 đến 15 năm	56	43,8%
	Từ 5 đến 10 năm	22	17,2%
	Dưới 5 năm	5	3,9%
Tổng		128	100%

Nguồn: Tính toán từ nhóm tác giả

SPSS được sử dụng bởi lẽ với lý thuyết của Baron và Kenny (1986) về biến trung gian và tác động trung gian, một điều kiện cần đó là biến độc lập X phải có sự tác động lên biến phụ thuộc Y (tác động tổng hợp có ý nghĩa). Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng tác động tổng hợp không nhất thiết phải có ý nghĩa thì mới có mối quan hệ trung gian. Do đó, kỹ thuật Bootstrapping được đánh giá là tốt hơn kỹ thuật Sobel Test và các kỹ thuật khác khi đánh giá mối quan hệ trung gian (Shrout & Bolger, 2002; Williams & MacKinnon, 2008; Zhao và cộng sự, 2010; Hayes, 2013). Trong khi, Sobel Test yêu cầu cỡ mẫu lớn và dữ liệu cần có phân phối chuẩn thì Bootstrapping khắc phục được các hạn chế này (Hayes, 2013). Chính vì vậy trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã sử dụng kỹ thuật xử lý biến trung gian bằng Bootstrapping.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Kiểm định độ tin cậy của các biến quan sát

Kết quả từ phần mềm SPSS 27 đều cho thấy các biến quan sát trong các nhân tố đều có độ tin cậy cao (Bảng 3). Cụ thể, hệ

số Cronbach's Alpha của các biến đều lớn hơn 0,6; hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3 (Hair và cộng sự, 2010).

5.2. Phân tích nhân tố khám phá

Kết quả từ phần mềm SPSS 27 cho biết hệ số KMO = 0,855 > 0,5, kiểm định Bartlett có Sig là 0,000 < 0,05 (không lập bảng). Như vậy phân tích khám phá nhân tố là phù hợp. Bảng 4 cho thấy 18 biến quan sát đều được lựa chọn trong mô hình do hệ số tải của các biến đều lớn hơn 0,5. Ma trận xoay rút ra thành 4 nhân tố.

5.3. Phân tích tương quan

Nghiên cứu thực hiện phân tích tương quan giữa 4 nhân tố là MAP, SCM, EOE và SCOE. Kết quả trong Bảng 5 chỉ ra rằng các nhân tố đều có mối tương quan thuận chiều (do hệ số tương quan Pearson đều dương). Trong đó, 2 mối tương quan mạnh nhất là giữa MAP và SCM (hệ số tương quan = 0,605) và giữa MAP với EOE (hệ số tương quan = 0,495). Trong khi, mối tương quan giữa MAP và SCOE, giữa SCM và EOE là thấp nhất do hệ số tương quan thấp nhất lần lượt là 0,328 và 0,403.

Bảng 3. Kiểm định độ tin cậy

Biến quan sát	Trung bình thang đo	Phương sai thang đo	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha
MAP1	13,41	8,259	0,657	0,856
MAP2	13,45	7,840	0,727	0,839
MAP3	13,57	7,475	0,741	0,836
MAP4	13,83	7,419	0,751	0,833
MAP5	13,62	8,726	0,633	0,862
MAP = 0,873				
SCM1	10,89	3,342	0,677	0,815
SCM2	10,61	3,657	0,681	0,813
SCM3	10,95	3,336	0,733	0,789
SCM4	11,00	3,543	0,667	0,817
SCM = 0,849				
EOE1	13,02	5,551	0,575	0,828
EOE2	13,31	5,209	0,679	0,801
EOE3	13,48	4,850	0,742	0,782
EOE4	13,53	5,054	0,654	0,808
EOE5	13,27	5,397	0,584	0,826
EOE = 0,842				
SCOE1	10,80	2,321	0,560	0,722
SCOE2	10,70	2,210	0,554	0,726
SCOE3	10,59	2,339	0,566	0,719
SCOE4	10,92	2,104	0,611	0,694
SCOE = 0,771				

Nguồn: Xử lý từ phần mềm SPSS 27

5.4. Môi quan hệ giữa MAP và EOE thông qua SCM

Sử dụng phần mềm Process 4.2 cho SPSS, kết quả trong Bảng 6 chỉ ra rằng tác động tổng hợp của MAP lên EOE có ý nghĩa do $P\text{-value} = 0,000 < 0,05$. Ngoài ra, khi có sự tham gia của SCM thì MAP cũng tác động trực tiếp lên EOE ($P\text{-value} = 0,000 < 0,05$). Tác động tổng hợp và tác động trực tiếp của MAP lên EOE đều là tác động tích cực do hệ số tác động (Effect) đều dương lần lượt là 0,400 và 0,320.

Tác động gián tiếp của MAP lên EOE thông qua biến trung gian SCM sẽ được đánh giá dựa vào khoảng tin cậy trong phép Bootstrap. Nếu khoảng tin cậy trong Bootstrap không chứa giá trị 0, thì kết luận có tác động gián tiếp và ngược lại nếu khoảng tin cậy trong Bootstrap chứa giá trị 0 thì không các tác động gián tiếp. Cụ thể, kết quả tại Bảng 6 cho giá trị dưới BootLLCI bằng 0,002 và giá trị trên BootULCI bằng 0,186. Hệ số tác động gián tiếp là 0,080 thuộc khoảng tin cậy $[0,002; 0,186]$ không bao gồm giá trị 0, nên kết luận có tác động

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động

thông qua quản trị chuỗi cung ứng

Bảng 4. Bảng ma trận xoay nhân tố

Biến quan sát	Nhân tố			
	1	2	3	4
MAP3	0,804			
MAP4	0,804			
MAP2	0,792			
MAP5	0,670			
MAP1	0,571			
EOE1		0,802		
EOE5		0,782		
EOE2		0,677		
EOE3		0,676		
EOE4		0,531		
SCM2			0,801	
SCM1			0,765	
SCM3			0,717	
SCM4			0,588	
SCOE4				0,808
SCOE3				0,707
SCOE1				0,684
SCOE2				0,631

Nguồn: Xử lý từ phần mềm SPSS 27

gián tiếp từ MAP lên EOE thông qua SCM với hệ số tác động là 0,080. Như vậy, SCM có vai trò trung gian tác động lên mối quan hệ từ MAP tới EOE. Do tác động trực tiếp có ý nghĩa thống kê nên SCM đóng vai trò là trung gian một phần trong mối quan hệ giữa MAP và EOE. Các giả thuyết H1, H3 và H5 được chấp nhận.

Bảng 5. Phân tích tương quan

		MAP	SCM	EOE	SCOE
MAP	Hệ số tương quan Pearson	1	0,605**	0,495**	0,328**
SCM	Hệ số tương quan Pearson		1	0,403**	0,451**
EOE	Hệ số tương quan Pearson			1	0,489**
SCOE	Hệ số tương quan Pearson				1

** . Mức ý nghĩa: 0,01

Nguồn: Xử lý từ phần mềm SPSS 27

5.5. Mối quan hệ giữa MAP và SCOE qua biến trung gian SCM

Tại Bảng 7, tác động tổng hợp của MAP lên SCOE có ý nghĩa do P-value = 0,000 < 0,05. Khi có sự tham gia của SCM thì MAP không tác động trực tiếp lên SCOE (P-value = 0,383 > 0,05). Tác động tổng hợp của MAP lên EOE là tác động tích cực do hệ số tác động (Effect) là dương với giá trị bằng 0,228.

Bảng 7 cho giá trị dưới BootLLCI bằng 0,072 và giá trị trên BootULCI bằng 0,273. Hệ số tác động gián tiếp là 0,167 thuộc khoảng tin cậy [0,072; 0,273] không bao gồm giá trị 0. Như vậy có sự tác động gián tiếp từ MAP lên SCOE thông qua SCM với hệ số tác động là 0,167. Kết luận, SCM có vai trò trung gian tác động lên mối quan hệ từ MAP tới SCOE. Do tác động trực tiếp không có ý nghĩa thống kê nên SCM đóng vai trò là trung gian toàn phần trong mối quan hệ giữa MAP và SCOE. Điều này có nghĩa là MAP chỉ ảnh hưởng tích cực đến SCOE thông qua biến trung gian SCM. Các giả thuyết H2 và H6 được chấp nhận. Giả thuyết H4 không được chấp nhận.

6. Thảo luận

Những kết quả nghiên cứu ở trên đã chỉ ra rằng MAP ảnh hưởng tích cực cả trực tiếp và gián tiếp đến EOE thông qua SCM. Kết quả này nhận được sự ủng hộ từ nghiên cứu

Bảng 6. Mối quan hệ giữa MAP và EOE thông qua SCM

Hệ số (Effect)	Độ lệch chuẩn (SE)	Mức ý nghĩa (P-value)	Giá trị dưới BootLLCI	Giá trị trên BootULCI
Tác động tổng hợp của MAP lên EOE				
0,400	0,063	0,000	0,276	0,523
Tác động trực tiếp của MAP lên EOE				
0,320	0,078	0,000	0,166	0,474
Tác động gián tiếp của MAP lên EOE thông qua SCM				
0,080	0,046		0,002	0,186

Nguồn: Xử lý từ phần mềm Process 4.2 cho SPSS 27

Bảng 7. Mối quan hệ giữa MAP và SCOE

Hệ số tác động (Effect)	Độ lệch chuẩn (SE)	Mức ý nghĩa (P-value)	Giá trị dưới BootLLCI	Giá trị trên BootULCI
Tác động tổng hợp của MAP lên SCOE				
0,228	0,058	0,000	0,112	0,3432
Tác động trực tiếp của MAP lên SCOE				
0,061	0,069	0,383	-0,077	0,198
Tác động gián tiếp của MAP lên SCOE thông qua SCM				
0,167	0,052		0,072	0,273

Nguồn: Xử lý từ phần mềm Process 4.2 cho SPSS 27

của Askarany và cộng sự (2010); Jamal và Tayles (2010); Pradhan và cộng sự (2018). Theo Pradhan và cộng sự (2018), ứng dụng các kỹ thuật khác nhau trong kế toán quản trị vào hoạt động chuỗi cung ứng được coi chiến lược phù hợp nhất để thúc đẩy hiệu quả hoạt động của bất kỳ doanh nghiệp nào. Rõ ràng, để đáp ứng hiệu quả kinh doanh, nhà quản trị cần tiếp nhận thông tin chính xác về luồng hàng hóa dọc theo chuỗi cung ứng nhằm nâng cao chất lượng các quyết định liên quan đến sản phẩm cũng như khách hàng (Jamal & Tayles, 2010). Vì vậy, MAP đóng góp đáng kể vào SCM bằng cách cung cấp thông tin chi tiết và kịp thời về tất cả các hoạt động và quy trình trong tổ chức giúp cải thiện năng suất, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động của tổ chức (Askarany và cộng sự, 2010).

Đối với SCOE, MAP chỉ ảnh hưởng tích cực gián tiếp đến SCOE thông qua SCM

trong khi đó không có mối quan hệ trực tiếp giữa MAP lên SCOE. Kết quả này hàm ý rằng MAP có vai trò thúc đẩy SCOE chỉ khi các doanh nghiệp thực hiện SCM. Điều này cũng nhận được đồng tình từ Fawcett và cộng sự (2007); Purvis và cộng sự (2014). Các doanh nghiệp sử dụng kỹ thuật kế toán quản trị chẳng hạn như kế toán tinh gọn kết hợp với mô hình sản xuất tinh gọn sẽ giúp tăng cường tích hợp các luồng thông tin dọc theo chuỗi cung ứng, nhấn mạnh tính nhất quán giữa sự liên kết bên trong và bên ngoài doanh nghiệp (Purvis và cộng sự, 2014). Ngoài ra, Fawcett và cộng sự (2007) lập luận rằng thông qua việc chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong chuỗi (thực hiện SCM) sẽ giúp MAP gia tăng hiệu quả trong toàn bộ chuỗi. MAP giúp đo lường các chi phí như chi phí mua hàng, chi phí tồn kho, chi phí phát triển sản phẩm mới, chi phí vận chuyển và sau đó chia sẻ thông tin chi phí

này đến các thành viên giúp cải thiện hiệu suất tổng thể của chuỗi cung ứng từ phía các nhà quản lý (Fawcett và cộng sự, 2007).

7. Kết luận

Nghiên cứu này đem lại nhiều đóng góp mới cả học thuật lẫn thực tiễn. Đầu tiên, nghiên cứu mang tính liên ngành do có sự kết hợp lĩnh vực kế toán quản trị và lĩnh vực quản trị chuỗi cung ứng, do đó nghiên cứu này mở rộng thêm khuôn khổ lý thuyết kế toán quản trị trong môi trường chuỗi cung ứng. Đóng góp này hỗ trợ cho cơ sở giáo dục đưa lĩnh vực kế toán quản trị chuỗi cung ứng thành khối kiến thức chung để giúp các sinh viên lĩnh hội và vận dụng kiến thức này vào trong môi trường kinh doanh. Thứ hai, nghiên cứu trình bày một sự tổng quan sâu sắc, đồng thời kiểm định các biến trong hai lĩnh vực riêng biệt là MAP và SCM để khám phá và xác định bản chất mối quan hệ của chúng. Vì vậy, nghiên cứu này bổ sung bằng chứng thực nghiệm về vai trò tích hợp MAP và SCM trong việc nâng cao EOE và SCOE hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Các doanh nghiệp có thể sử dụng kỹ thuật kế toán quản trị mới để tăng cường tích hợp các luồng thông tin dọc theo chuỗi cung ứng từ đó không chỉ nâng cao hiệu suất hoạt động cho từng doanh nghiệp mà còn phát triển khả năng sử dụng thông tin một cách hiệu quả trong toàn bộ chuỗi. Cuối cùng, sự phát triển chuỗi cung ứng đã được công nhận là một lý do quan trọng và

là động lực cho sự tăng trưởng kinh tế đáng kể vì vậy nghiên cứu được thực hiện trong bối cảnh tại Việt Nam sẽ mang lại nhiều đóng góp hữu ích cho các quốc gia đang phát triển.

Bài viết này là một trong những nỗ lực của nhóm tác giả khi nghiên cứu một cách có hệ thống mối quan hệ giữa MAP và hiệu quả hoạt động thông qua SCM tại Việt Nam. Do khái niệm về SCM và MAP cũng như tích hợp giữa hai khái niệm này khá phức tạp hơn nữa phạm vi nghiên cứu tập trung vào mẫu gồm 128 doanh nghiệp quy mô vừa và lớn nên có thể chưa mang tính phổ quát cho toàn bộ các doanh nghiệp tại Việt Nam. Mặc dù có nhiều thang đo để đo lường cho các nhân tố MAP, SCM, SCOE, EOE, tuy nhiên trong bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam, nhóm tác giả cũng đã cân nhắc để lựa chọn các thang đo giúp đối tượng khảo sát dễ tiếp cận hơn. Ngoài ra, nghiên cứu lựa chọn mẫu thuận tiện bởi vì việc tiếp cận các kế toán trưởng trong doanh nghiệp để họ phản hồi một cách tin cậy là rất khó khăn trong khi nguồn lực của nhóm tác giả còn hạn chế. Nghiên cứu cũng dừng lại ở phân tích tác động trực tiếp và gián tiếp của MAP lên EOE và SCOE thông qua SCM bằng việc sử dụng phần mềm Process 4.2 trong SPSS. Vì vậy, nghiên cứu chưa đưa thêm các biến kiểm soát khác vào mô hình. Trong tương lai, nhóm tác giả tiếp tục nỗ lực nghiên cứu và phát triển hơn nữa chủ đề này để khắc phục các hạn chế đã trình bày ở trên. ■

Tài liệu tham khảo

- Abdel-Maksoud, A., Dugdale, D., & Luther, R. (2005). Non-financial performance measurement in manufacturing companies. *The British Accounting Review*, 37(3), 261-297. <https://doi.org/10.1016/j.bar.2005.03.003>
- Alenius, E., Lind, J., & Strömsten, T. (2015). The role of open book accounting in a supplier network: creating and managing interdependencies across company boundaries. *Industrial Marketing Management*, 45, 195-206. <https://doi.org/10.1016/j.indmarman.2015.01.008>
- Al-Omoush, K. S., De Lucas, A., & Del Val, M. T. (2023). The role of e-supply chain collaboration in collaborative innovation and value-co creation. *Journal of Business Research*, 158, 113647. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2023.113647>
- Askarany, D., Yazdifar, H., & Askary, S. (2010). Supply chain management, activity-based costing and organisational factors. *International Journal of Production Economics*, 127(2), 238-248. <https://doi.org/10.1016/j.ijpe.2009.08.004>

- Azevedo, S.G., Carvalho, H., & Machado, V. C. (2011). The influence of green practices on supply chain performance: A case study approach. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, 47(6), 850-871. <https://doi.org/10.1016/j.tre.2011.05.017>
- Ballou, R. H. (2007). The Evaluation and Future of Logistics and Supply Chain Management. *European Business Review*, 19, 332-348. <https://doi.org/10.1108/09555340710760152>
- Baron, R. M., & Kenny, D. A. (1986). The moderator–mediator variable distinction in social psychological research: Conceptual, strategic, and statistical considerations. *Journal of Personality and Social Psychology*, 51(6), 1173–1182. <https://doi.org/10.1037/0022-3514.51.6.1173>
- Chan, F. T .S., & Qi, H. J. (2003). An innovative performance measurement method for supply chain management. *Supply Chain Management: An International Journal*, 8(3), 209-223. <https://doi.org/10.1108/13598540310484618>
- Chen, I. J., Paulraj, A., & Lado, A. A. (2004). Strategic purchasing, supply management and firm performance. *Journal of Operations Management*, 22, 505-523. <https://doi.org/10.1016/j.jom.2004.06.002>
- Chow, W. S., Madu, C. N., Kuei, C-H., Lu, M. H., Lin, C., & Tseng, H. (2008). Supply chain management in the US and Taiwan: An empirical study. *Omega*, 36, 665-679. <https://doi.org/10.1016/j.omega.2006.01.001>
- Dang, L. A. (2024). The impact of cost management accounting techniques on supply chain performance using the balanced scorecard approach: A case of logistics companies in Vietnam. *Uncertain Supply Chain Management*, 12(3), 1493-1510. <https://doi.org/10.5267/j.uscm.2024.4.002>
- Ellram, L. M. (2006). The implementation of target costing in the United States: Theory versus practice. *Journal of Supply Chain Management*, 42(1), 13-26. <https://doi.org/10.1111/j.1745-493X.2006.04201003.x>
- Fabbe-Costes, N., & Jahre, M. (2007). Supply chain integration improves performance: the Emperor's new suit?. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, 37(10), 835–855. <https://doi.org/10.1108/09600030710848941>
- Fawcett, S. E., Osterhaus, P., Magnan, G. M., Brau, J. C., & McCarter, M. W. (2007). Information sharing and supply chain performance: the role of connectivity and willingness. *Supply Chain Management: An International Journal*, 12(5), 358-368. <https://doi.org/10.1108/13598540710776935>
- Fynes, B., de Burca, S., & Mangan, J. (2008). The effect of relationship characteristics on relationship quality and performance. *International Journal of Production Economics*, 111, 56-69. <https://doi.org/10.1016/j.ijpe.2006.11.019>
- Giannoccaro, I., & Pontrandolfo, P. (2004). Supply chain coordination by revenue sharing contracts. *International Journal of Production Economics*, 89(2), 131-139. [https://doi.org/10.1016/S0925-5273\(03\)00047-1](https://doi.org/10.1016/S0925-5273(03)00047-1)
- Gunasekaran, A., Lai, K. H., & Cheng, T. C. E. (2008). Responsive Supply Chain: A Competitive Strategy in a Network Economy. *International Journal of Management Science*, 36, 549-564. <http://dx.doi.org/10.1016/j.omega.2006.12.002>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., Anderson, R. E., & Tatham, R. (2010). *Multivariate Data Analysis* (ed.): Pearson Prentice Hall. <https://www.drnishikantjha.com/papersCollection/Multivariate%20Data%20Analysis.pdf>
- Hayes, A. (2013). *Introduction to Mediation, Moderation, and Conditional Process Analysis: A Regression-Based Approach*. New York, NY: The Guilford Press.
- Howard, M., Wu, Z., Caldwell, N. Jia, F., & König, C. (2016). Performance-based contracting in the defence industry: Exploring triadic dynamics between government, OEMs and suppliers. *Industrial Marketing Management*, 59, 63-75. <https://doi.org/10.1016/j.indmarman.2016.05.030>
- Jamal, N. M., & Tayles, M. (2010). Management accounting in a supply chain environment: case study insights. *Asia-Pacific Management Accounting Journal (APMAJ)*, 5(1), 41-67. <https://ir.uitm.edu.my/id/eprint/62425/>
- Kannan, V. R., & Tan, K. C. (2005). Just-in-time, total quality management, and supply chain management: understanding their linkages and impact on business performance. *Omega*, 33, 153-162. <https://doi.org/10.1016/j.omega.2004.03.012>
- Kulmala, H. I., Paranko, J., & Uusi-Rauva, E. (2002). The role of cost management in network relationships. *International Journal of Production Economics*, 79(1), 33 - 43. [https://doi.org/10.1016/S0925-5273\(00\)00061-X](https://doi.org/10.1016/S0925-5273(00)00061-X)
- Le, T. T. H., Nguyen, N. P., & Hoai, T. T. (2024). How Can Vietnamese Companies Benefit from Management Accounting Systems and Supply Chain Integration Under Business Environment Uncertainty? *SAGE Open*, 14(2). <https://doi.org/10.1177/21582440241240848>
- Lee, C. W., Kwon, I-K.G., & Severance, D. (2007). Relationship between supply chain performance and degree of linkage among supplier, internal integration, and customer. *Supply Chain Management: An International Journal*, 12(6), 444-452. <https://doi.org/10.1108/13598540710826371>
- Li, S., Ragu-Nathan, B., Ragu-Nathan, T. S. & Rao, S. S. (2006). The impact of supply chain management practices on competitive advantage and organizational performance. *Omega*, 34(2), 107-124. <https://doi.org/10.1016/j.omega.2004.08.002>
- Lin, B., Collins, J., & Su, R. K. (2001). Supply chain costing: an activity-based perspective. *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, 31(10), 702 - 713. <https://doi.org/10.1108/EUM00000000006286>

Mối quan hệ giữa thực hành kế toán quản trị và hiệu quả hoạt động
thông qua quản trị chuỗi cung ứng

- Munday, M. (1992). Accounting cost data disclosure and buyer-supplier partnerships—a research note. *Management Accounting Research*, 3(3), 245-250. [https://doi.org/10.1016/S1044-5005\(92\)70014-6](https://doi.org/10.1016/S1044-5005(92)70014-6)
- Ozment, J., & Keller, S. (2011). The future of logistics education. *Transportation Journal*, 50(1), 65-83. <https://doi.org/10.5325/transportationj.50.1.0065>
- Pradhan, D., Swain, P. K., & Dash, M. (2018). Effect of management accounting techniques on supply chain and firm performance: An empirical study. *International Journal of Mechanical Engineering and Technology*, 9(5), 1049-1057. https://iaeme.com/Home/article_id/IJMET_09_05_115
- Purvis, L., Gosling, J., & Naim, M. M. (2014). The development of a lean, agile and leagile supply network taxonomy based on differing types of flexibility. *International Journal of Production Economics*, 151, 100-111. <https://doi.org/10.1016/j.ijpe.2014.02.002>
- Ramos, M. M. (2004). Interaction between management accounting and supply chain management. *Supply Chain Management: An International Journal*, 9(2), 134-138. <https://doi.org/10.1108/13598540410527033>
- Ripley, C., Thün, G., & Velikov, K. (2009). Matters of Concern. *Journal of Architectural Education*, 62(4), 6-14. <https://doi.org/10.1111/j.1531-314X.2009.00999.x>
- Ruggeri, D., & Rizza, C. (2017). Accounting information system innovation in interfirm relationships. *Journal of Management Control*, 28(2), 203-225. <https://doi.org/10.1007/s00187-017-0247-8>
- Seal, W., Berry, A., & Cullen, J. (2004). Disembedding the supply chain: institutionalized reflexivity and inter-firm accounting. *Accounting, Organizations and Society*, 29(1), 73-92. [http://dx.doi.org/10.1016/S0361-3682\(02\)00055-7](http://dx.doi.org/10.1016/S0361-3682(02)00055-7)
- Shrout, P. E., & Bolger, N. (2002). Mediation in experimental and nonexperimental studies: New procedures and recommendations. *Psychological Methods*, 7(4), 422-445. <https://psycnet.apa.org/doi/10.1037/1082-989X.7.4.422>
- Taschner, A., & Charifzadeh, M. (2023). Supply Chains, Supply Chain Management and Management Accounting. In *Management Accounting in Supply Chains* (pp. 1-16). Wiesbaden: Springer Fachmedien Wiesbaden. http://dx.doi.org/10.1007/978-3-658-41300-2_1
- Uddin, M. B., Fu, Y., & Akhter, B. (2020). Inter-organizational cost management: effects of antecedents and methods in a hybrid relational context. *Journal of Business & Industrial Marketing*, 35(5), 909-923. <http://dx.doi.org/10.1108/JBIM-07-2019-0348>
- Williams, J., & MacKinnon, D. P. (2008). Resampling and distribution of the product methods for testing indirect effects in complex models. *Structural Equation Modeling*, 15(1), 23 - 51. <https://psycnet.apa.org/doi/10.1080/10705510701758166>
- Zhao, X., Lynch, J. G. Jr., & Chen, Q. (2010). Reconsidering Baron and Kenny: Myths and truths about mediation analysis. *Journal of Consumer Research*, 37(2), 197 - 206. <https://psycnet.apa.org/doi/10.1086/651257>